

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 22-4-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Minh Thân

2. Ông Phạm Thuận

*- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.*

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 333/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**. Trụ sở: Tòa nhà **HM T, số D N, phường E, quận C, Tp Hồ Chí Minh**. Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Quang T**, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phúc H**, chức vụ: Giám đốc **Trung tâm Q** nợ. Ông **Nguyễn Phúc H** ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn T1**, chức vụ: Chuyên viên hiện trường và ông **Trần Văn H1**, chức vụ: Chuyên viên Hiện trường, địa chỉ liên lạc: **267-269 N, phường V, quận T, Tp Đà Nẵng**. Ông **T1** có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hiên T2**, sinh năm 1996, trú tại: **E P, phường T, quận T, Tp Đà Nẵng**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18 tháng 10 năm 2023; biên bản hòa giải, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn T1** trình bày:*

Ngày 09/06/2020, ông **Nguyễn Hiên T2** có ký với **Ngân Hàng TMCP B** Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00520000263TD và đồng ý việc sử

dụng thẻ sẽ tuân theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP B**.

Căn cứ vào hồ sơ của ông **Nguyễn Hiền T2**, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông **T2**. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông **T2** đã thực hiện 115 giao dịch với tổng số tiền là: 3.000.241.500 đồng, trong đó có 10 giao dịch rút tiền mặt tổng số tiền là 53.000.000 đồng và 105 giao dịch mua hàng tổng số tiền là 2.947.241.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông **T2** đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 80 giao dịch bao gồm gốc, lãi và phí với tổng tiền là: 2.906.790.013 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP B**). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông **T2** vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do ông **T2** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP B**) bắt đầu giai đoạn quá hạn từ 12/05/2022, Ngân hàng chúng tôi đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông **T2**.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông **T2** vay theo hình thức thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 12/06/2020 đến 30/06/2023, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 32%/năm(2.67%/tháng), thay đổi theo từng thời kỳ, phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 đồng) và lãi suất quá hạn áp dụng là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (tương ứng 48%/năm) khi vi phạm hợp đồng theo điểm g khoản 2 Điều 13 của Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **BV B1**.

Ông **T2** đã giao dịch rút tiền mặt và mua hàng trong 115 lần, số tiền tổng nợ gốc ông **T2** đã vay thẻ hiện qua các giao dịch các lần là: 3.000.241.500 đồng.

Quá trình vay, ông **T2** đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 2.906.790.013 đồng (Chi tiết theo bảng sao kê giao dịch đính kèm)

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông **T2** vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP B** nên chúng tôi buộc ông **T2** phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì **Ngân hàng TMCP B** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Hiền T3** phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 25/07/2023 số tiền là: 107.617.366 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 97.955.957 đồng, nợ lãi là: 9.661.409 đồng và đề nghị Tòa án buộc ông **T3** tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 26/07/2023 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo qui định của **Ngân hàng TMCP B**.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, **Ngân hàng TMCP B** kính đề nghị Tòa án buộc ông **Nguyễn Hiền T2** phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến

ngày 22/4/2024 là: 142.656.078 đồng, trong đó nợ gốc: 97.955.957 đồng, nợ lãi quá hạn là: 44.700.121 và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả hết nợ theo qui định của **Ngân hàng TMCP B**.

*Tại phiên tòa, bị đơn ông **Nguyễn Hiểm T4** vắng mặt. Theo biên bản hòa giải ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 27/02/2024 bị đơn ông **Nguyễn Hiểm T2** trình bày:*

Tôi xác nhận tôi có ký hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng TMCP B** với các nội dung cụ thể như sau như đại diện ngân hàng trình bày, cụ thể:

Ngày 09/06/2020, tôi có ký với **Ngân Hàng TMCP B** giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00520000263TD và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP B**.

Căn cứ vào hồ sơ của tôi, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho tôi. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tôi đã thực hiện 115 giao dịch với tổng số tiền là: 3.000.241.500 đồng, trong đó có 10 giao dịch rút tiền mặt tổng số tiền là 53.000.000 đồng và 105 giao dịch mua hàng tổng số tiền là 2.947.241.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay tôi đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 80 giao dịch bao gồm gốc, lãi và phí với tổng tiền là: 2.906.790.013 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP B**).

Trong quá trình vay nợ, tôi vi phạm các thỏa thuận trả nợ với Ngân hàng. Do ngày 12/5/2023 thẻ của tôi có phát sinh trực trặc nên phải nộp số tiền thanh toán tối thiểu hàng tháng. Đồng thời công việc của tôi cũng bị trực trặc ảnh hưởng đến thu nhập trả nợ quá hạn thẻ tín dụng.

Tính đến thời điểm ngày 27/02/2024 thì tôi còn nợ Ngân hàng số tiền 135.571.044 đồng, trong đó nợ gốc: 97.955.957 đồng, nợ lãi quá hạn là: 37.615.087 đồng. Tôi mong muốn xin được giảm một phần lãi quá hạn và hỗ trợ thời gian cho tôi được hoàn thành nghĩa vụ theo khả năng trả nợ hiện nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP B** về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông **Nguyễn Hiểm T2**, có nơi cư trú tại **quận T, Tp Đà Nẵng** là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông **Nguyễn Hiểm T2** vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Ngày 09/06/2020, ông Nguyễn Hiền T2 có ký với Ngân Hàng TMCP B Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00520000263TD kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B. Lãi suất trong hạn: 2.67 %/tháng tương đương 32%/năm. Lãi suất quá hạn : 48%/năm. Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Hiền T2, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng.

Sau khi được cấp tín dụng ông Nguyễn Hiền T2 đã thực hiện 115 giao dịch với tổng số tiền là: 3.000.241.500 đồng, trong đó có 10 giao dịch rút tiền mặt tổng số tiền là 53.000.000 đồng và 105 giao dịch mua hàng tổng số tiền là 2.947.241.500 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B. Ngày 12/5/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn Hiền T2 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Nguyễn Hiền T2 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Nguyễn Hiền T2 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hiền T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024 là: 142.656.078 đồng, trong đó nợ gốc: 97.955.957 đồng, nợ lãi quá hạn là: 44.700.121 và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả hết nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP B là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Hiền T2 phải chịu 7.132.803 đồng (Bảy triệu, một trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm lẻ ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.690.434đ (Hai triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, bốn trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0002299 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 117, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP B** đối với ông **Nguyễn Hiền T2** về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1. Buộc ông **Nguyễn Hiền T2** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP B** số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024 là: 142.656.078 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, không trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc: 97.955.957 đồng, nợ lãi quá hạn là: 44.700.121 đồng.

Kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông **Nguyễn Hiền T2** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: ông **Nguyễn Hiền T2** phải chịu 7.132.803 đồng (Bảy triệu, một trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm lẻ ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP B** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.690.434đ (Hai triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, bốn trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0002299 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Hưng**